TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-PT
Ngày: 13-01-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc*:* "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 245/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ: 42 NGT, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Phi L – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quốc T – chức vụ: Phó tổng giám đốc, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn B – sinh năm: 1986, vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C – sinh năm: 1984, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn B: Luật sư Lê Xuân Anh P – Công ty luật TNHH MTV TV.

Địa chỉ: 111 LTHG, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.Người kháng cáo*:* Bị đơn ông Phạm Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quốc T trình bày:

Vào ngày 29/02/2013 Công ty A (gọi tắt là Công ty) có ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê với ông Phạm Văn B để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê quốc doanh của Công ty. Theo hợp đồng ký kết với ông B thì vườn cây cà phê nhận khoán của Công ty có diện tích 01ha địa điểm đất giao khoán thuộc đội 1 lô số 3, khoảnh 6, tiểu khu 558 tại xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn giao khoán đến ngày 31/12/2047. Hiện nay ông B vẫn đang là người trực tiếp quản lý diện tích nhận khoán. Mức giao khoán hằng năm ông B phải nộp về Công ty theo thoả thuận trong Hợp đồng giao khoán là 2.832kg cà phê quả tươi, năm 2013 đến 2014 ông B nộp đủ sản lượng. Đến năm 2015 ông B nộp được 1.000kg (được giảm 10% hỗ trợ hạn hán là 283,2kg, giảm giống là 10kg) còn nợ lại 1.533,8kg; Năm 2016 ông B không nộp 2392,2kg (được giảm 15% hỗ trợ hạn hán là 424,8kg, giảm giống là 15kg); Năm 2017 ông B không nộp 2.817kg (giảm giống là 15kg). Như vậy, ông B đã không nộp cho Công ty sản lượng năm 2015, 2016 và 2017 tổng cộng 6.743kg cà phê quả tươi như đã cam kết trong hợp đồng giao khoán mặc dù Công ty có thông báo về việc nộp sản lượng cà phê hàng năm. Việc ông B vi phạm nghĩa vụ của mình trong hợp đồng giao khoán đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty nên Công ty đã khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn B trả 6.743kg cà phê quả tươi (tính đến năm 2017); Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty với ông Phạm Văn B ký kết ngày 29/02/2013 với diện tích 01ha tại thửa số 384, lô số 3, khoảnh 6, tiểu khu 558 tại xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi thu hồi diện tích đất đã giao khoán của ông B thì phía Công ty sẽ có nghĩa vụ thanh toán phần trị giá vườn cây trên đất và tài sản là 93.774.800 đồng cho ông B.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bị đơn có thái độ chống đối, không hợp tác gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng ông B và không hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 388, 390, 412, 414, 501, 502, 503, 506, 507, 508, 510, 511 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A

Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty A với ông Phạm Văn B lập ngày 29/02/2013.

Buộc ông Phạm Văn B phải trả cho Công ty A diện tích 01ha và các loại cây trồng, tài sản trên đất tại thửa số 384, lô số 3, khoảnh 6, tiểu khu 558 tại xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk tỉnh Đắk Lăk. Có tứ cận thửa đất như sau:

Hướng Đông Bắc giáp đất ông Bùi Văn L dài 58,2m và ông Lê Quốc Đ dài 124,98m

Hướng Đông Nam giáp đất ông K dài 74m

Hướng Tây Nam giáp đường lô dài 135m

Hướng Tây Bắc giáp đường lô dài 70,95m

Buộc ông Phạm Văn B phải trả số nợ sản lượng 6743kg cà phê quả tươi cho Công ty A

Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn B số tiền 93.774.800 đồng giá trị tài sản, cây trồng trên đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2022 tại đơn sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo bị đơn ông Phạm Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Về thủ tục tố tụng nguyên đơn không đóng tạm ứng án phí với yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất và vườn cây nhưng Tòa án vẫn thụ lý giải quyết là vi phạm; kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không phù hợp với thực tế. Về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét đánh giá toàn diện, khách quan các tình tiết trong vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn B Luật sư Lê Xuân Anh P trình bày:*** Tòa án thụ lý vụ án khi chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, chứng cứ mà Công ty đưa ra không phù hợp. Kết quả thẩm định, định giá không đúng thực tế, bỏ sót một số cây trồng và tài sản trên đất. Quá trình tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B không hợp lệ, biên bản nghị án kết thúc lúc 9h30'nhưng biên bản phiên tòa kết thúc lúc 9h45'là không đúng. Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá Đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Phạm Văn B là không có căn cứ nên đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21/6/2022, của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn B trong hạn luật định, ông B đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đơn kháng cáo của ông B được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông B kháng cáo cho rằng về thủ tục tố tụng nguyên đơn không đóng tạm ứng án phí với yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất và vườn cây nhưng Tòa án vẫn thụ lý giải quyết là vi phạm.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty A với ông Phạm Văn B lập ngày 29/02/2013 để công ty thu hồi lại vườn cây. Buộc ông Phạm Văn B phải trả số nợ sản lượng 6.743kg cà phê quả tươi còn nợ cho Công ty.

Sau khi tiếp nhận đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với tất cả các yêu cầu khởi kiện của công ty, công ty đã đóng tiền đầy đủ và Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông B là không có căn cứ.

[2.2] Tại đơn kháng cáo, ông B cho rằng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không phù hợp với thực tế.

Xét thấy, tại cấp sơ thẩm Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản nhưng bị đơn cùng người dân tại xã Ea Kiết lôi kéo, tập trung đông người, ngăn cản không cho cán bộ Tòa án và Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản thực hiện nhiệm vụ. Sau đó Tòa án đã niêm yết thông báo giá trị tài sản phát sinh theo báo giá của Công ty cho bị đơn nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

Tại cấp phúc thẩm ông B có làm đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tuy nhiên, Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, đã hết thời gian nhưng ông B không đóng tiền coi như từ bỏ yêu cầu của mình. Do đó, kháng cáo của ông B cho rằng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không phù hợp với thực tế là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về nội dung vụ án:

[2.3.1] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bị đơn không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Tại cấp phúc thẩm ông Phạm Văn C đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng diện tích đất hiện nay ông B đang canh tác có nguồn gốc do người dân khai hoang rồi chuyển nhượng cho nhau, ông B nhận chuyển nhượng đất của ông D vào khoảng năm 2011-2012. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của ông D thì ông D đã có sổ liên kết với Công ty A, ông D ký hợp đồng giao khoán với công ty là do bị ép buộc. Năm 2013 ông B ký hợp đồng với công ty là do bị ép buộc. Công ty không có đầu tư gì trên đất mà vẫn ép người dân đóng sản lượng là không đúng. Ông B không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Đất là của người dân nên không đồng ý giao lại vườn cây cho Công ty và không đồng ý đóng sản lượng cà phê còn thiếu cho Công ty.

Như vậy, theo như ông C trình bày khoảng năm 2011, 2012 ông B biết ông D đã có sổ liên kết với Công ty mà vẫn nhận chuyển nhượng đất của ông D là ông B chấp nhận thay ông D thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty nên ông B lấy lý do ông D bị ép buộc ký hợp đồng nên sau này không đóng sản lượng là không có căn cứ. Hơn nữa, hiện nay Công ty chỉ yêu cầu ông B nộp sản lượng còn thiếu từ năm 2015, 2016, 2017 sau khi ông B ký hợp đồng trực tiếp với công ty nên lời trình bày của ông C không có cơ sở xem xét.

Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 29/02/2013 ông Phạm Văn B ký kết Hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê quốc doanh số 921/HĐGK đối với Công ty. Khi thực hiện việc giao kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng

lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật; Về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán, bị đơn đã được Công ty giao đủ diện tích đất nhận thuê khoán. Bị đơn cho rằng bị Công ty ép buộc mới ký hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3.2] Đối với yêu cầu trả sản lượng cà phê : Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng giao khoán đã ký giữa Công ty (bên A) và ông Phạm Văn B thể hiện bên B (Bên nhận khoán) có nghĩa vụ "giao nộp sản phẩm cho bên A, đủ về số lượng, chất lượng theo quy định". Trong Hợp đồng giao khoán Công ty đã xem xét và quy định mức sản lượng cà phê phải thu hằng năm là theo hướng giảm dần phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và độ tuổi của cây cà phê, giảm trừ giếng và hạn hán theo từng năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty đã cung cấp các tài liệu chứng minh ông B chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp sản lượng cho Công ty cụ thể năm 2015 là 1.533,8kg, năm 2016 là 2392,2kg, năm 2017 là 2.817kg. Ông C cũng thừa nhận ông B không giao nộp đủ sản lượng cho công ty. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông Phạm Văn B phải trả cho Công ty 6.743kg cà phê quả tươi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3.3] Đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng giao khoán : Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê khoán tài sản ông Phạm Văn B vi phạm hợp đồng trong việc giao nộp sản phẩm trong các niên vụ từ 2015 đến 2017 là vi phạm hợp đồng giao khoán đã ký kết. Ông C cho rằng đất là của người dân nên không đồng ý trả lại đất cho Công ty nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, diện tích đất 1.0ha mà ông B nhận khoán của Công ty được xác định nằm trong diện tích 150ha đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số W866980 ngày 31/12/2003 cho Công ty A đã được giải quyết tại các Bản án hành chính phúc thẩm số 119/2019/HC-PT ngày 12/8/2019, Bản án số 90/2019/HC-PT ngày 28/6/2019, Bản án số 163/2019/HC-PT ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Do đó, kháng cáo của ông B là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tuyên bố chấm dứt hợp đồng là có căn cứ.

[2.3.4] Về việc giải quyết hậu quả khi buộc bị đơn trả lại vườn cây.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và Quyết định định giá tài sản để xác định những tài sản phát sinh ngoài hợp đồng với Công ty do các bị đơn đã trồng trên đất nhận thuê khoán để làm cơ sở cho việc xử lý hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, việc xem xét thẩm định và định giá tài sản đã không thể thực hiện được do bị đơn

không hợp tác, chống đối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo số liệu do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, căn cứ Điều 3 Hợp đồng giao khoán thì khi đình chỉ (Chấm dứt) hợp đồng công ty không có trách nhiệm bồi thường cho hộ ông Phạm Văn B. Tuy nhiên, khi hộ ông Phạm Văn B tự trồng cây và xây dựng các công trình trên đất ngoài hợp đồng mặc dù không được sự đồng ý từ phía Công ty nhưng hàng năm khi tiến hành kiểm tra vườn cây thì phía Công ty không lập biên bản vi phạm và cũng không có ý kiến gì đối với việc hộ ông B tự trồng cây và xây dựng các công trình trên đất. Vì vậy, khi trả lại vườn cây nhận khoán cho Công ty thì phía Công ty phải trả lại toàn bộ phần giá trị các tài sản do hộ ông B đã đầu tư nói trên.

Theo số liệu do nguyên đơn cung cấp, số liệu cây trồng và giá trị cây trồng do hộ ông B trồng xen trên đất cà phê, cụ thể như sau : Hồ tiêu 216 trụ: 74.800.800 đồng; Sầu riêng 6 cây: 1.326.000 đồng; mít 02 cây: 1.190.000 đồng; bơ 2 cây: 1.458.000 đồng, nhà xây tạm lợp tôn 24m^2 là 15.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 93.774.800 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải trả lại toàn bộ phần giá trị các tài sản do hộ ông B đã đầu tư với tổng giá trị tài sản: 93.774.800 đồng là có căn cứ và Công ty cũng không có ý kiến về vấn đề này.

Từ các phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn B – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cư M’Gar, tỉnh Đăk Lăk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp đơn kháng cáo của ông Phạm Văn B - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cư M’Gar, tỉnh Đăk Lăk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 388, 390, 412, 414, 501, 502, 503, 506, 507, 508, 510, 511 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A

Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty A với ông Phạm Văn B lập ngày 29/02/2013.

Buộc ông Phạm Văn B phải trả cho Công ty A diện tích đất 01ha và các loại cây trồng, tài sản trên đất tại thửa số 384, lô số 3, khoảnh 6, tiểu khu 558, đất tọa lạc tại: xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lăk. Thửa đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp đất ông Bùi Văn L dài 58,2m và ông Lê Quốc Đ dài 124,98m

Hướng Đông Nam giáp đất ông K dài 74m

Hướng Tây Nam giáp đường lô dài 135m

Hướng Tây Bắc giáp đường lô dài 70,95m

Buộc ông Phạm Văn B phải trả số nợ sản lượng 6743kg cà phê quả tươi cho Công ty A

Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn B số tiền 93.774.800 đồng giá trị tài sản, cây trồng trên đất

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Phạm Văn B có nghĩa vụ trả cho Công ty A 3.900.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn B phải chịu 3.587.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty A phải chịu 4.688.700 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.723.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002131 ngày 16/4/2018 (do ông Giản Quốc Q nộp thay) và được nhận lại số tiền 1.034.300 đồng theo biên lai trên và nhận lại 624.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0006624 ngày 11/6/2018 (do ông Giản Quốc Q nộp thay).

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013584 ngày 29/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng